TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62A/2017/HNGĐ-ST
Ngày 14/07/2017
V/v: Ly hôn giữa chị L1 và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Toan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Bùi Hà Bắc
2. Ông: Từ Minh Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L2, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L2 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 14/07/2017 tại trụ sở toà án nhân dân huyện L2, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2017/TLST- HNGĐ ngày 15/03/2017 về "Ly hôn và con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/QĐXX- ST ngày 16/05/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị L1 sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện L2, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện L2, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

(Chị L1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 02/02/2017, chị Vũ Thị L1 là nguyên đơn trình bày tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh T ngày 03/04/2012. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Cưới xong vợ chồng chị có về chung sống với nhau ngay. Vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và

trong phát triển kinh tế gia đình dẫn đến nhiều lúc vợ chồng xảy ra xô xát, không bảo được nhau, việc của ai người đó làm. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 01/2016 và cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 01/2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh T2 sinh ngày 04/04/2013 và Nguyễn Thị Kim O sinh ngày 29/08/2015. Hiện các cháu ở với chị, phát triển bình thường. Nay ly hôn chị yêu cầu nuôi cả 2 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do công việc bận chị xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được tòa án triệu tập đến Tòa án để làm việc nhưng anh T vẫn cố tình không đến Tòa án để giải quyết mặc dù đã được Tòa án tống đạt các loại văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh T do ông Nguyễn Văn L3 là bố đẻ nhận thay. Nhưng đến nay anh T vẫn không có bản tự khai gửi cho Tòa án. Tại các biên bản ghi lời khai, ông L3 là bố đẻ anh T cho biết, các văn bản tố tụng của Tòa án huyện L2 gửi cho anh T ông nhận thay và đã giao lại trực tiếp cho anh T, nhưng anh T cho biết là sẽ không về Tòa án huyện L2 giải quyết ly hôn. Việc Tòa án huyện L2 giải quyết như nào là quyền quyết định của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà đại diện VKS phát biểu ý kiến, thẩm phán, thư ký được phân công giải quyết vụ án tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật còn bị đơn không nghiêm túc chấp hành, đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo quy định của pháp luật và căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 BLTTDS xử:

Về quan hệ vợ chồng: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị L1 và anh Nguyễn Văn T.

Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Thanh T2 sinh ngày 04/04/2013 và Nguyễn Thị Kim O sinh ngày 29/08/2015 cho chị Vũ Thị L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị HĐXX đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, chị L1 không được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Án phí: Chị Vũ Thị L1 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu số AA/2010/000743 ngày 14/03/2017 tại chi cục thi hành án huyện L2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh L3 tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[2] *Về tố tụng:* Chị Vũ Thị L1 là nguyên đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt, Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Vũ Thị L1 và bị đơn anh Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật.

[3] *Về nội dung vụ án:* Chị Vũ Thị L1 và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau từ ngày 03/04/2012. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Mặc dù có 2 con chung nhưng tình cảm giữa chị L1 và anh T vẫn không xây dựng hạnh phúc được với nhau. Từ tháng 01/2016 giữa chị L1 và anh T luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra xô xát, từ đó chị L1 và anh T không quan tâm gì đến nhau, việc của ai người đó làm, sống lạnh nhạt không có hạnh phúc, chị L1 và anh T chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương được biết anh T vẫn thường xuyên về địa phương, hơn nữa bố đẻ anh T là ông Nguyễn Văn L3 cho biết anh T hiện nay đang làm ăn xa, vẫn thường xuyên về gia đình ông và đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án do ông trực tiếp giao, anh T biết được Tòa án đang tiến hành giải quyết ly hôn giữa anh và chị L1 nhưng anh T không lên Tòa án để giải quyết. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa chị L1 và anh T không còn nên cần giải quyết cho chị L1 được ly hôn anh T. Xét như vậy là phù hợp với Điều 51; 56 luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về quan hệ nuôi con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh T2 sinh ngày 04/04/2013 và Nguyễn Thị Kim O sinh ngày 29/08/2015, hiện ở với chị L1, các cháu phát triển bình thường. Nay ly hôn chị L1 yêu cầu trực tiếp nuôi cả 2 con, còn phía anh T, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án để làm việc và cũng không có bản tự khai gửi cho Tòa án, hơn nữa qua xác minh tại địa phương được biết hiện anh T thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Để đảm bảo phát triển tốt cho các cháu, nay cần giao cho chị L1 trực tiếp nuôi 2 con. Do chị L1 không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con chung, chị L1 không được cản trở anh T thực hiện quyền này. Xét như vậy là phù hợp với Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Không có. Chị L1 không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] *Về nuôi con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Nếu sau này anh T có đơn yêu cầu giải quyết thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[7] *Về án phí:* Chị L1 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

[8] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1/ Về quan hệ vợ chồng: Cho ly hôn giữa Vũ Thị L1 và anh Nguyễn Văn T.

2/ Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Thanh T2 sinh ngày 04/04/2013 và Nguyễn Thị Kim O sinh ngày 29/08/2015 cho chị Vũ Thị L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, chị L1 không được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3/ Án phí: Chị Vũ Thị L1 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu số AA/2010/000743 ngày 14/03/2017 tại chi cục thi hành án huyện L2. Chị L1 đã nộp đủ tiền án phí.

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L2;
- Chi cục T.H. A dân sự huyện;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ .VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Toan